

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-02-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Chì
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: 6 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Dũng C, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2024, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Bùi Dũng C tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/4/2015. Kết hôn xong cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nhưng giữa chị và anh Bùi Dũng C không hàn gắn được, chị và anh Bùi Dũng C đã không còn sống chung với nhau, hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Bùi Dũng C không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Dũng C. Chị không yêu cầu anh Bùi Dũng C cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: chị và anh Bùi Dũng C có 02 con chung là Bùi Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 19/10/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 17/8/2017. Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024 thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh Bùi Dũng C cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: do hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh Bùi Dũng C, 02 con được anh C chăm sóc tốt, 02 cháu có nguyện vọng được sống với anh C nên chị đồng ý giao 02 con chung là Bùi Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 19/10/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Bùi Dũng C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Dũng C vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N. Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh C. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung: giao 02 con chung là Bùi Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 19/10/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Bùi Dũng C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N được thăm nom, chăm sóc các cháu không ai được ngăn cản. Về tài sản chung: chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Bùi Dũng C đăng ký thường trú tại ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Dũng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/4/2015. Do đó, hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng N cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Bùi Dũng C có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Đối với anh Bùi Dũng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Bùi Dũng C không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Thị Hồng N. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C, qua đó cho thấy lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng N về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Bùi Dũng C. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Bùi Dũng C nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 19/10/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 17/8/2017. Hai con chung hiện đang sống chung với anh Bùi Dũng C và chị Nguyễn Thị Hồng N đồng ý để anh Bùi Dũng C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thấy rằng, từ khi chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Bùi Dũng C không còn sống chung thì anh Bùi Dũng C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nguyễn Tuấn L và cháu Bùi Nguyễn Ngọc M. Xét thấy, anh Bùi Dũng C có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Bùi Nguyễn Tuấn L và cháu Bùi Nguyễn Ngọc M để các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, qua xác minh, cháu Bùi Nguyễn Tuấn L và cháu Bùi Nguyễn Ngọc M được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về cả thể chất lẫn tinh thần. Bên cạnh đó, cháu Bùi Nguyễn Tuấn L và cháu Bùi Nguyễn Ngọc M đều có nguyện vọng được sống chung với anh C.

Vì vậy, giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Tuấn L và cháu Bùi Nguyễn Ngọc M cho anh Bùi Dũng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do không ghi nhận được ý kiến của anh C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Bùi Dũng C không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Bùi Dũng C không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Bùi Dũng C. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Bùi Dũng C.

Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Bùi Nguyễn Tuấn L, sinh ngày 19/10/2015 và Bùi Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 17/8/2017 cho anh Bùi Dũng C được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Dũng C không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Dũng C không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005989 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã N, huyện H,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú

